

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 66/2019/HSST
Ngày: 03/5/2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.

2. Ông Lê Văn Rồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lua – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2019/HSST, ngày 22 tháng 3 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐST-HS ngày 18/4/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Minh S .

Sinh ngày 25/11/1990; tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp O, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: ấp L, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh;
Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Cha: Đặng Văn T, sinh năm: 1959; mẹ: Lê Thị Tuyết M, sinh năm: 1961; Vợ Nguyễn Tuyết N; chưa có con; Anh chị em ruột có 07 người kể cả bị cáo; Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/9/2014, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt bị cáo Đặng Minh S 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số: 190/2014/HSST; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2016 (đã được xóa án tích).

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2018 đến nay.

Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1/ Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm: 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Võ Thái D, sinh năm: 1985.

Thường trú: Số A, Khóm B, phường T, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số B đường Tỉnh Lộ S, ấp K, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Đặng Minh T, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ông Phạm Hoài L, sinh năm: 1975; (vắng mặt)
Địa chỉ: số C đường H, tổ D, ấp L, xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ Thứ nhất: Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 04/9/2018, ông Nguyễn Hoàng A điều khiển xe mô tô biển số 59Y2 – 6XX.XX đến nhà ông Đặng Minh T (anh của Đặng Minh S) tại ấp P, xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh chơi và uống rượu. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày trong lúc Hoàng A đang ngủ thì S kêu Hoàng A thức dậy và nhờ Hoàng A chở ra khu vực giao lộ Tỉnh Lộ 2 và Hồ Văn Tảng thuộc địa phận ấp Xóm Đồng, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi để gặp bạn của S thì Hoàng A đồng ý. Hoàng A lấy xe 59Y2 – 6XX.XX chở S đến địa phận trên. Đến nơi, Hoàng A tắt máy, dừng xe và để chìa khóa trên xe để đi vệ sinh thì S hỏi mượn xe 59Y2 – 6XX.XX của Hoàng A để đi công việc, Hoàng A chưa trả lời thì S đã nổ máy xe chạy đi. S đi đến khu vực bên xe Miền Tây đổi xe 59Y2 – 6XX.XX cho một nam thanh niên (không rõ lai lịch) lấy ma túy đá có giá tiền là 3.500.000 đồng để sử dụng. Qua định giá, xe mô tô biển số 59Y2 – 6XX.XX trị giá 7.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 20 giờ 10 phút ngày 30/10/2018, Đặng Minh S ở nhà Võ Thái D tại số B đường Tỉnh Lộ S, ấp K, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì S hỏi mượn D xe máy màu đỏ đen hiệu Nouvo, biển số 94R1 –XXXX của D để đi rước vợ ở khu vực cầu vượt Củ Chi. D đồng ý, giao xe 94R1 –XXXX cho S nhưng đến ngày 31/10/2018 S không trả xe nên D đến Công an xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi tố cáo S về hành vi chiếm đoạt xe 94R1 –XXXX. Sau khi chiếm đoạt xe 94R1 –XXXX, S Mang đến khu vực bên xe Miền Tây gặp người nam thanh niên (không rõ lai lịch) lúc trước đổi xe lấy ma túy đá có giá tiền là 4.000.000 đồng để sử dụng. Qua định giá xe 94R1 –XXXX có là 7.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 29/11/2018, Đặng Minh S đến nhà anh ruột là Đặng Minh T tại ấp P, xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh hỏi mượn xe Citi màu đỏ đen, biển số 53Y3 –XXXX để đi chơi, T đồng ý. S mang xe 53Y3 –XXXX đến tiệm cầm đồ Hoài Linh tại số 149 đường Hồ Văn Tảng, tổ 10, ấp Cây Da, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi cầm cho Phạm Hoài Linh được số tiền 3.000.000 đồng. Đến ngày 03/12/2018, S đến bán xe 53Y3 –XXXX (có giấy đăng ký xe) cho Linh với giá là 4.200.000 đồng (Linh đưa thêm cho S 1.200.000 đồng). Ngày 06/12/2018, ông T đến Công an xã Tân Phú Trung tố cáo Đặng Minh S về hành vi chiếm đoạt xe 53Y3 –XXXX. Qua định giá xe gắn máy biển số 53Y3 –XXXX trị giá 5.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe gắn máy màu đỏ đen, hiệu CITI (thực trạng màu nâu, nhãn hiệu Dream), biển số 53Y3 –XXXX.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Bản cáo trạng số 51/CT – VKS ngày 22/3/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Đặng Minh S về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 172 và điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với

nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo S, các người bị hại và các chứng cứ có tại hồ sơ. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Minh S phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 172 và điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo tự nguyện đến Cơ quan Công an đầu thú; tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; một phần tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án đã được thu hồi, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 172; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Đặng Minh S từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Đặng Minh S 02 năm đến 03 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo S.

Về xử lý vật chứng: 01 xe gắn máy màu đỏ đen, hiệu CITI (thực trạng màu nâu, nhãn hiệu Dream), biển số 53Y3 – XXXX đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, ông Võ Thái D trình bày: Ông yêu cầu bị cáo Đặng Minh S phải bồi thường cho ông số tiền 15.000.000 đồng; thanh toán 01 lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo Đặng Minh S không tranh luận, không trình bày gì thêm.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo S đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo S phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ. Vào ngày 04/9/2018, lợi dụng ông Nguyễn Hoàng A đi vệ sinh vẫn để chìa khóa trên xe, bị cáo S hời mợt chiếc xe mô tô biển số 59Y2 – 6XX.XX của ông Hoàng A để đi công việc, ông Hoàng A chưa trả lời thì bị cáo đã lấy xe chạy đi. Bị cáo S chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 59Y2 – 6XX.XX của ông Nguyễn Hoàng A bán lấy ma túy để sử dụng. Theo bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự số 258, ngày 29/10/2018, chiếc xe gắn máy hiệu Honda Blade, biển số 59Y2 – 6XX.XX có giá trị 7.000.000 đồng. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Minh S đã phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện đến Cơ quan Công an đầu thú; tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả.

Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định mức hình phạt cho bị cáo S là có cơ sở.

Ngày 30/10/2018, bị cáo S có hành vi hỏi mượn chiếc xe máy màu đỏ đen hiệu Nouvo, biển số 94R1 –XXXX của ông Võ Thái D để đi rước vợ, sau đó chiếm đoạt cũng bán lấy ma túy để sử dụng. Ngày 29/11/2018, bị cáo S có hành vi hỏi mượn chiếc xe CITI màu đỏ đen, biển số 53Y3 – XXXX của ông Đặng Minh T để đi chơi, sau đó chiếm đoạt, bán lấy tiền tiêu sài và mua ma túy sử dụng. Theo bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự số 298, ngày 13/12/2018, chiếc xe gắn máy hiệu NOUVO, biển số 94R1 -XXXX có giá trị 7.000.000 đồng và bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự số 310, ngày 18/12/2018, chiếc xe gắn máy hiệu CITI, màu đỏ đen, biển số 53Y3 – XXXX (thực trạng xe màu nâu có dán nhãn mác Dream) có giá trị 5.000.000 đồng. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Minh S đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo S phạm tội hai lần.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện đến Cơ quan Công an đầu thú; tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại.

Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định mức hình phạt cho bị cáo S là có cơ sở.

Bị cáo S là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, xâm phạm quyền sở hữu, quyền quản lý hợp pháp tài sản của người khác. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng nên bị cáo đã bất chấp pháp luật. Về nhân thân, bị cáo S đã từng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và hiện đang bị nghiện ma túy nặng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người tốt đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

Về vật chứng: 01 xe gắn máy màu đỏ đen, hiệu CITI (thực trạng màu nâu, nhãn hiệu Dream), biển số 53Y3 – XXXX đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Ông Nguyễn Hoàng A, ông Phạm Hoài L đã nhận lại tiền, giá trị tài sản ngang bằng với tài sản bị chiếm đoạt, không có ai có yêu cầu gì khác, có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Ông Đặng Minh T đã nhận lại tài sản, trong quá trình điều tra, truy tố ông T không có yêu cầu gì đối với bị cáo S ; Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và thông báo

cho ông biết về thời gian, địa điểm mở phiên Tòa xét xử đối với bị cáo S nhưng ông vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của ông T không ảnh hưởng gì đến nội dung vụ án nên vẫn tiến hành xét xử đối với bị cáo S ; sau này nếu ông T có yêu cầu gì khác đối với bị cáo S thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

+ Ông Võ Thái D yêu cầu bị cáo S bồi thường cho ông số tiền 15.000.000 đồng; thanh toán 01 lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và bị cáo S đồng ý theo yêu cầu của ông D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên bản cáo trạng số 51/CT-VKSCC ngày 22/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị cáo Đặng Minh S về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 172 và điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo S theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; điểm a, khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đối với nam thanh niên (không rõ họ tên) ở khu vực bến xe Miền Tây là người mua xe và đưa ma túy cho bị cáo, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên chưa làm việc được. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau. Xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Minh S phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 172; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đặng Minh S 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đặng Minh S 02 (Hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo Đặng Minh S phải chịu là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2018.

Buộc bị cáo Đặng Minh S phải bồi thường cho ông Võ Thái D số tiền 15.000.000 đồng; thanh toán 01 lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản

1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí HS-ST: Bị cáo Đặng Minh S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí sản sự sơ thẩm, ông Đặng Minh S phải chịu 750.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đặng Minh S, ông Võ Thái D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông Nguyễn Hồng A, ông Đặng Minh T, ông Phạm Hoài L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Phòng PC 27;
- Bị cáo;
- Lưu: Vp, hồ sơ. (20b)

Phan Hùng Vương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa